

Số: 01/2026/CBNL-TV2
V/v công bố thông tin về năng lực hoạt
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 9 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng,

Công ty TNHH Tư vấn – Kiểm định - Xây dựng Số 2 công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN – KIỂM ĐỊNH - XÂY DỰNG SỐ 2**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6400032920, cấp lần đầu ngày 16 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20 tháng 9 năm 2023. Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ: Đường Lê Thánh Tông, tổ 2, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0946.04.37.37

Email: congtytuvan2@gmail.com

Website: <https://congtytuvan2.com>

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Đường Lê Thánh Tông, tổ 2, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng mã số LAS-XD 17.001 theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 1599/GCN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông cấp ngày 10/7/2024).

2. Thông tin năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
1	XI MĂNG	
	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; BS EN 196-5; 196-6; ASTM C150, C184, C188, C204, C115, C430, C786; AASHTO T153; T133; T192; M85
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; BS EN 196-1; 196-3; ISO 679; AASHTO M85; AASHTO T106; ASTM C191, C150, C109, C348, D1635; JIS R5201
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 8876:2012; BS EN 196-5; 196-3; BS 1881; ASTM C191, C191, C151, C187, C359, C150; AASHTO T131, M85; JIS R5201
	Xác định hàm lượng SO ₃ , hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2023
2	CÓT LIỆU	
	Xác định thành phần cỡ hạt và modul độ lớn	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27, M6, M8; ASTM C136, C33; BS EN 932-1, 933-1; JIS A1102
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; TCVN 8735:2012; AASHTO T84, T85, M6, M8; ASTM C33, C127, C128, C29; BS EN 1097-6, 1097-7; JIS A1109, A1110, A1111
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; AASHTO T84, T85; ASTM C127
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; AASHTO T19, M6, M8; ASTM C29, C33; BS EN 1097-3, 1097-4; JIS A1104
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566; AASHTO T255, M6, M8, T142; JIS A1125; BS EN 1097-5
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T11, T112; ASTM C117, C142; EN 933-1; JIS A1103; A1137

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40, C33; AASHTO T21, M6, M8; JIS A1105
	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938, C33; AASHTO M6, M8; JIS M0302
	Xác định độ nén đập trong xi lanh	TCVN 7572-11:2006; ASTM D2938, C33; AASHTO M6, M8; JIS M0302
	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; AASHTO T82, T96, M6, M8, T327; ASTM C131, C535, C33; BS EN 1092-2; JIS A1121
	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; AASHTO T335, M6, M8; BS EN 933; ASTM C33, C88
	Xác định khả năng phản ứng kiềm silic	TCVN 7572-14:2006; ASTM C227; JIS A1146
	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006; ASTM C123; BS 1744
	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit	TCVN 7572-16:2006; AASHTO M6, M8; ASTM C33
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006; AASHTO M6, M8; ASTM C33
	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419; AASHTO T176
	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu mịn, độ góc cạnh của cốt liệu lớn	TCVN 8860-7:2011; TCVN 11807:2017
3	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C138, C39, C143; AASHTO T121, T119; BS EN 12350-6; JIS A1106
	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:2022
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C143, C39, C138; AASHTO T119, T121; BS EN 12350-2; JIS A1101, A1116
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232, C39; AASHTO T158; JIS A1123; BS 1881; BS EN 12350-4
	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993; BS EN 12350

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022; ASTM C642, C231, C39, C127, C128; BS EN 12350-7; AASHTO 152;
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642, C39, C127, C128; BS EN 12350-7
	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012
	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022; AASHTO T22; ASTM C39, C642; BS EN 12350
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022; TCVN 8218:2009; BS 1881; ASTM C39, C403, D6489
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; TCVN 10303:2014; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T24, T140; BS EN 12390, 12504; BS1881; JIS A1108, A1107, A1136; AS 1012.9:2014;
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; BS EN 12390; ASTM C293, C78; AASHTO T97, T126, T177; JIS A1106, A1114
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022; BS EN 12390; ASTM C496; AASHTO T198; JIS A1113
	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	ASTM C1064; AASHTO T309; JIS A1156
	Tính toán thành phần cấp phối bê tông	Số: 778/1998/QĐ-BXD ngày 05/9/1998 Bộ Xây dựng; TCVN 10306:2014
4	VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022; EN 1051-1:99
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; TCVN 9028:2011; BS EN 1015-3,4; ASTM C1437
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022; BS EN 1015-6
	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022; TCVN 9028:2011; BS EN 1015; ASTM C1437
	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022; TCVN 9028:2011; EN 1015-10; ASTM C109
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022; AASHTO

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	đã đóng rắn	T106; ASTM C109; BS EN 1015-11
5	VỮA CHÈN CẤP DỰ ỨNG LỰC	
	Xác định lượng vón cục trên sàng 2mm	TCVN 11971:2018; BS EN 44507
	Xác định độ chảy	TCVN 11971:2018; ASTM C230-23; ASTM C939-22; BS EN 44507
	Xác định độ chảy lan tỏa	TCVN 11971:2018; BS EN 44507
	Xác định độ tách nước sau 3h	TCVN 11971:2018; BS EN 445:07
	Xác định độ thay đổi thể tích vữa sau 24h	TCVN 11971:2018; BS EN 445:07
	Xác định cường độ nén	TCVN 11971:2018; BS EN 44507
	Xác định thời gian đông kết	TCVN 6017:2015; BS EN 447:07; BS EN 445:07
6	ĐẤT, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CÁT TRONG PHÒNG, VẬT LIỆU XÁO XÔI, VẬT LIỆU GIA CỐ XI MĂNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100; ASTM D854
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89; T90; ASTM D4318
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T27; T11; T88; ASTM C136; D1140; D422
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 8721:2012; TCVN 12790:2020 AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937
	Thí nghiệm sức chịu tải CBR trong phòng thí nghiệm của vật liệu nền, móng mặt đường	TCVN 12792:2020 ASTM D1883; AASHTO T193
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012; BS 1377
	Xác định đặc trưng hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; BS 1377; ASTM D2434, D1289; AASHTO T204; JIS A 1218; GOST 25584

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8726:2012; ASTM D2974 AASHTO T267
	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011
7	KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT MỐI HÀN, SẢN PHẨM LÀM BẰNG KIM LOẠI THÉP, GANG	
	Thử kéo, độ giãn dài	TCVN 197:2014; TCVN 7937:2013; TCVN 5709:2009; TCVN 314:2008; ISO 16035; ASTM A615, A370, A36/36M; AASHTO T68M; BS4449; GB/T 228; JIS Z2241; JIS G3444
	Thử uốn	TCVN 198:2008; TCVN 7937:2013; ISO 16035; ASTM A615, A370; AASHTO T68M; GB/T 232; BS 4449; JIS Z2248
	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại: thử uốn, thử kéo	TCVN 5401:2010; TCVN 5403:1991; TCVN 8310-10; TCVN 8311:10; TCVN 11977:17; AASHTO T68; ASTM E190; JIS Z3122
	Bulong, đai ốc, vít: thử kéo, độ giãn dài	TCVN 197:2014; TCVN 1916:1995; ISO 898-1:2009
8	BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D1559, D1664, D6927; AASHTO T245
	Hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172; AASHTO T164, T246, T172
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; ASTM D1559; ASTM C136; AASHTO T27, T172
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041; AASHTO T209;
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích BTN ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2041; ASTM D1559; AASHTO T230
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011; ASTM D2726; AASHTO T166
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; ASTM D1559; AASHTO T269
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011; ASTM D1559; AASHTO T269



TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011; ASTM D1559; AASHTO T269
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; ASTM D1559; AASHTO T269; AASHTO T245
	Xác định tỷ lệ sử dụng vật liệu trong thành phần cấp phối bê tông nhựa theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011, TCVN 13576-1:2022
9	NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỮ TƯƠNG	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; AASHTO M82; AASHTO T49
	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; AASHTO M82; AASHTO T49
	Xác định độ nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO M82, T53; ASTM D36
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; TCVN 8818-2:2011; AASHTO M82, T48; ASTM D92
	Xác định lượng tổn thất khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005; TCVN 11710:2017; TCVN 11711:2017; AASHTO M82, T47; ASTM D5, D6, D1754
	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005; ASTM D2042; AASHTO T44
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; AASHTO M82; ASTM D70; AASHTO T228
	Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011
	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005; AASHTO M82; ASTM D3625; AASHTO T182
	Xác định độ dính bám đối với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
	Lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
10	BỘT KHOÁNG, VẬT LIỆU DẠNG HẠT	
	Thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8735:2012
11	GẠCH	
	Gạch xây: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; xác định độ rỗng; xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355:2009; ASTM C67; AASHTO T32
	Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; xác định cường độ chịu nén; xác định độ rỗng; xác định độ hút nước; xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140
	Gạch bê tông bọt, khí chung áp (AAC): Thí nghiệm kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Thí nghiệm khối lượng thể tích khô; Thí nghiệm cường độ nén	TCVN 7959:2011
	Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ: Xác định: kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ hút nước, khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017; ASTM C67; C140; AASHTO T32
	Thí nghiệm cơ lý gạch Terrazzo: kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013; ASTM C140
	Thử nghiệm gạch gốm ốp lát, đá ốp lát tự nhiên: kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; xác định độ hút nước; xác định cường độ bền uốn	TCVN 4732:2016; TCVN 6415:2016
	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn: kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999; ASTM C140
	Gạch xi măng lát nền: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước; Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995
12	NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996
	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
	Xác định hàm lượng muối hoà tan	TCVN 4560:1988

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996
	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996
13	PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG	
	Phụ gia hóa học cho bê tông: xác định lượng nước trộn tối đa, thời gian đông kết chênh lệch và cường độ nén so với mẫu đối chứng	TCVN 8826:2024
14	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG, THỬ NGHIỆM KHÁC	
	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 8305:2009; TCVN 12791:2020 ASTM D2937; AASHTO T204
	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, xác định độ chặt nền móng đường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; AASHTO T191; ASTM D1556; BS EN 1377
	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950; BS EN1082
	Xác định modun đàn hồi chung của kết cấu áo đường bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256; ASTM D4685; D4685; D4729
	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tẩm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D4695; AASHTO T256
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965
	Đo điện trở đất, điện trở chống sét	TCVN 9385:2012
	Kiểm tra độ đồng đều của vật liệu rải	TCVN 8863:2025
	Xác định độ thấm nước của đất bằng phương pháp đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:2024
	Xác định cường độ nén của bê tông súng bột nẩy	TCVN 9334:2012
	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012; TCVN 13536:2022; TCVN 13537:2022; ASTM C597-22; BS EN 12504
	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu bằng phương pháp kết hợp siêu âm và súng bột nẩy	TCVN 9335:2012; ASTM C805-18; DIN 1048; JIS A1155; BS EN 12504
	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu bằng phương pháp khoan lấy mẫu	TCVN 12252:2020; TCVN 14524:2025; ASTM C42-20

2.2. Máy móc, thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ
1	Chày cối đầm nén Proctor 4 inch	Việt Nam
2	Chày cối đầm nén Proctor 6 inch	Việt Nam
3	Kích đùn mẫu	Việt Nam
4	Hộp ẩm	Việt Nam
5	Tỷ trọng kế 0-60g	Việt Nam
6	Chày cối đồng D100	Việt Nam
7	Chày cối sứ D150	Việt Nam
8	Khuôn CBR	Việt Nam
9	Máy nén CBR	Trung Quốc
10	Bơm chân không	Trung Quốc
11	Bình hút ẩm	Trung Quốc
12	Bình hút chân không + đồng hồ và van	Trung Quốc
13	Bộ giới hạn chảy, dẻo	Trung Quốc
14	Phao tỷ trọng đất	Trung Quốc
15	Thước kẹp 0-20cm	Việt Nam
16	Thước kẹp 0-30cm	Việt Nam
17	Thước lá 500mm	Việt Nam
18	Thước tỷ lệ đo hạt thoi dẹt	Việt Nam
19	Phễu rót cát	Việt Nam
20	Bộ tấm ép cứng + gá + đồng hồ bách phân + kích	Trung Quốc
21	Cần benkelman đo võng tỷ lệ 2:1	Việt Nam
22	Thước 3m + nêm đo độ bằng phẳng	Trung Quốc
23	Bộ dao đai lấy mẫu đất	ITST
24	Máy trộn vữa	Trung Quốc
25	Bộ kim vika	T-Tech
26	Bàn dần vữa tự động	Trung Quốc
27	Khuôn tạo mẫu 4x4x16cm kép ba	Việt Nam
28	Khuôn tạo mẫu 2x2x2cm kép sáu	Việt Nam
29	Bộ giá thử uốn mẫu	Việt Nam
30	Bộ giá thử nén mẫu	Việt Nam
31	Tủ dưỡng mẫu (bình ổn nhiệt)	Trung Quốc
32	Khuôn Le Chatelier	Trung Quốc
33	Cân cơ 200g x0,01g	
34	Cân kỹ thuật 3100g x0,01g	Nhật Bản



TT	Tên thiết bị	Xuất xứ
35	Cân phân tích 220g x 0,1mg	Mỹ
36	Cân điện tử 30kg x1g	Mỹ
37	Cân điện tử 15kg x0,5g	Nhật Bản
38	Thùng rửa thí nghiệm hàm lượng bụi bùn sét	Việt Nam
39	Thùng đóng 1; 2; 5; 10; 20 lít	Việt Nam
40	Xilanh nén đập đá	Trung Quốc
41	Máy thử độ mài mòn Los Angeles	Trung Quốc
42	Khuôn mẫu lập phương 15x15x15cm	Việt Nam
43	Khuôn mẫu lập phương 20x20x20cm	Việt Nam
44	Khuôn mẫu trụ D15x30cm	Việt Nam
45	Khuôn mẫu lăng trụ 15x15x60cm	Việt Nam
46	Côn thử độ sụt + que chọc, khay, phễu, đáy	Việt Nam
47	Dụng cụ thử xuyên	Trung Quốc
48	Bàn rung tạo mẫu bê tông	Trung Quốc
49	Côn chày hấp phụ của cát	Trung Quốc
50	Máy quay ly tâm + giấy lọc	Trung Quốc
51	Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa nhựa	Trung Quốc
52	Máy thử độ giãn dài nhựa	Trung Quốc
53	Máy đo kim lún nhựa	Trung Quốc
54	Bộ đo nhiệt độ hóa mềm nhựa	Trung Quốc
55	Thiết bị xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối của bitum	Trung Quốc
56	Thiết bị xác định hàm lượng paraffin của bitum bằng phương pháp chưng cất	Trung Quốc
57	Máy nén Marshall	Trung Quốc
58	Khuôn tạo mẫu Marshall	Việt Nam
59	Chày đầm nén Marshall	Việt Nam
60	Máy khoan mẫu bê tông + mũi khoan	Hàn Quốc
61	Máy uốn kéo nén vạn năng 1000 kN 3 vòng lực 0-200kN, 0-500kN, 0-1000kN	Trung Quốc
62	Máy nén TYA 2000kN	Trung Quốc
63	Máy siêu âm bê tông	Ý
64	Súng bắn bê tông	Ý
65	Nhiệt kế loại 0-350°C	Trung Quốc
66	Nhiệt kế loại 0-250°C	Trung Quốc
67	Nhiệt kế (thủy ngân) 0-100°C	Trung Quốc
68	Tủ sấy 300°C	Trung Quốc

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ
69	Tủ nung 1200°C	Trung Quốc
70	Máy cắt đất	Trung Quốc
71	Máy nén đất	Trung Quốc
72	Bếp cát	Trung Quốc
73	Máy cắt	Việt Nam
74	Sàng 45µm	Việt Nam
75	Bộ sàng đường kính D200 các cỡ: 20; 10; 5; 2; 1; 0.5; 0.1; 0.075 + đáy và nắp	Trung Quốc
76	Bộ sàng đường kính D300 các cỡ: 100; 70; 40; 20; 15; 10; 5 + đáy và nắp	Trung Quốc
77	Bộ sàng đường kính D200 các cỡ: 5; 2.5; 1.25; 0.635; 0.315; 0.14 + đáy và nắp	Trung Quốc
78	Bộ sàng đường kính D300 các cỡ: 50; 37.5; 31.5; 25; 19; 16; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.425; 0.3; 0.15; 0.075 + đáy và nắp	Trung Quốc
79	Côn xác định độ chảy của vữa	Trung Quốc
80	Ống nhựa xác định độ tách nước của vữa	Việt Nam
81	Thiết bị đo chảy lan tỏa của vữa	Việt Nam
82	Kẹp gấp thí nghiệm	Việt Nam
83	Ống đong trụ 1000ml	Trung Quốc
84	Ống đong trụ 500ml	Trung Quốc
85	Ống đong trụ 250ml	Trung Quốc
86	Ống đong trụ 100ml	Trung Quốc
87	Ống đong trụ 50ml	Trung Quốc
88	Ống đong tam giác 100ml	Trung Quốc
89	Ống đong tam giác 250ml	Trung Quốc
90	Ống cao cổ 250ml	Trung Quốc
91	Hóa chất, thuốc thử	Việt Nam
92	Pipet	Trung Quốc
93	Buret	Trung Quốc
94	Đồng hồ đo chuyển vị 10/0,01 mm	Trung Quốc
95	Đồng hồ đo chuyển vị 30/0,01 mm	Trung Quốc
96	Đồng hồ bấm giây	Trung Quốc
97	Bàn dẫn đo độ lưu động vữa	Trung Quốc
98	Máy thẩm thấu bê tông 0-4 Mpa	Trung Quốc
99	Bộ thử thấm nước gạch	Trung Quốc

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ
100	Máy siêu âm	Trung Quốc
101	Kính lúp	Trung Quốc
102	Máy đo pH	Trung Quốc
103	Kích thủy lực	Trung Quốc
104	Máy đo điện trở đất	Thái Lan
105	Thiết bị phụ trợ (thau, khay đựng mẫu, dao gạt, chảo, bay, thìa trộn mẫu, búa, đục thép, cát tiêu chuẩn)	Việt Nam

2.3. Cán bộ quản lý và thí nghiệm viên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Văn bằng, Chứng chỉ đào tạo
1	Hồ Sỹ Hoàng	Trưởng phòng	- Bằng Kỹ sư Xây dựng, chuyên ngành Công nghệ vật liệu xây dựng - Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Chứng chỉ thí nghiệm về Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý Bê tông và Vật liệu xây dựng - Chứng chỉ thí nghiệm viên không phá hủy - Chứng chỉ thí nghiệm về Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường - Chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, lĩnh vực Xây dựng dân dụng và công nghiệp - Chứng chỉ thí nghiệm về Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông - Chứng chỉ thí nghiệm Phân tích hóa học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông
2	Huỳnh Thanh Tuấn	Thí nghiệm viên	- Bằng nghề thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô - Chứng chỉ thí nghiệm về Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường - Chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, lĩnh vực Xây dựng dân dụng và công nghiệp - Chứng chỉ thí nghiệm về Phương pháp đo điện trở tiếp địa và điện trở chống sét - Chứng chỉ thí nghiệm Phân tích hóa học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông

TT	Họ và tên	Chức vụ	Văn bằng, Chứng chỉ đào tạo
3	Hoàng Đình Toàn	Thí nghiệm viên	- Chứng chỉ thí nghiệm về Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường - Chứng chỉ thí nghiệm viên không phá hủy
4	Nguyễn Thanh Bình	Thí nghiệm viên	- Chứng chỉ thí nghiệm về Vật liệu xây dựng (xi măng; cốt liệu cho bê tông nặng và vừa xây dựng; hỗn hợp bê tông và bê tông nặng; gạch xây) - Chứng chỉ thí nghiệm về Thí nghiệm đất xây dựng - Chứng chỉ thí nghiệm về Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông
5	Nguyễn Ngọc Quân	Thí nghiệm viên	- Chứng chỉ thí nghiệm về Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông
6	Hồ Sỹ Trọng	Thí nghiệm viên	- Chứng chỉ Sơ cấp nghề Thí nghiệm viên ngành xây dựng

Công ty TNHH Tư vấn – Kiểm định – Xây dựng Số 2 chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố./.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
Giám đốc**



Hồ Sỹ Hoàng

